

Chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp phát triển

Kết quả và một số đề xuất

Theo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, trong 15 năm qua cả nước có khoảng 941 nghìn doanh nghiệp được đăng ký thành lập. Nhưng đến cuối năm 2015, còn khoảng 513 nghìn doanh nghiệp hoạt động (chiếm 54,5%), 428 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động hoặc giải thể vì nhiều lý do khác nhau (chiếm 45,5%)... Theo Tổng cục Thống kê, trong 10 tháng năm 2016, số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động sản xuất - kinh doanh là 9.295 doanh nghiệp, tăng 21,6% so với cùng kỳ năm trước; số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động là 50.705 doanh nghiệp. Để tháo gỡ những khó khăn, thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều giải pháp tài chính hỗ trợ doanh nghiệp. Đặc biệt giai đoạn 2011 - 2016, các giải pháp tài chính được đẩy mạnh thực hiện góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp do những ảnh hưởng tiêu cực của

THỦ VIỆN TP. CẦN THƠ



khủng hoảng tài chính, mặt khác tạo nền tảng vững chắc hơn cho doanh nghiệp cạnh tranh và hội nhập.

1. Chính sách tài chính hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp

Hỗ trợ doanh nghiệp về mặt bằng sản xuất thông qua các chính sách miễn, giảm tiền thuê đất.

Trong năm 2011, 2012 các chủ đầu tư dự án có khó khăn về tài chính sẽ được gia hạn thời gian nộp tiền thuê đất tối đa 12 tháng kể từ ngày phải nộp tiền thuê đất. Trong năm 2013, các chủ đầu tư dự án được Nhà nước giao đất nhưng gặp khó khăn về tài chính nên chưa nộp tiền sử dụng đất thì tiền sử dụng đất sẽ được thanh toán theo tiến độ thanh toán tiền hàng trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày phải nộp tiền sử dụng đất. Bên cạnh đó, chính sách giảm tiền thuê đất cũng được mở rộng đối tượng áp dụng: (i) Giảm 50% tiền thuê đất trong năm 2011, 2012 cho các tổ chức kinh tế đang hoạt động trong ngành sản xuất¹; (ii) Giảm 50% tiền thuê đất phải nộp của năm 2012 cho một số tổ chức kinh tế hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ; (iii) Giảm 50% tiền thuê đất trong năm 2013, 2014 đối với các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước cho thuê đất trong năm 2013². Luật Đất đai 2013 và Nghị định số 46/2014/NĐ-CP tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi và giảm nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất cho doanh nghiệp theo hướng điều chỉnh giảm tỷ lệ phần trăm xác định đơn giá thuê đất từ mức chung 1,5% xuống còn 1%.

¹ Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23/11/2011 và Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012.

² Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013.

Tuy nhiên, trên thực tế, chi phí về mặt bằng vẫn luôn là gánh nặng đối với doanh nghiệp, giá thuê đất quá cao, trung bình tăng khoảng 5 lần so với năm 2010. Mặt khác, theo quy định tại Luật Đất đai 2013 quy định doanh nghiệp hạ tầng thuê đất của Nhà nước theo hình thức trả tiền hằng năm thì chỉ được cho thuê lại theo hình thức trả tiền hằng năm; các nhà đầu tư thứ cấp đã thuê đất theo hình thức trả tiền một lần không được cầm cố, thế chấp. Do đó sẽ làm phát sinh chi phí chuyển đổi từ hình thức trả tiền hằng năm sang trả tiền một lần đối với doanh nghiệp đầu tư khu công nghiệp.

Hỗ trợ trong việc tiếp cận nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh cho các doanh nghiệp.

Vốn sử dụng cho hoạt động sản xuất - kinh doanh luôn là bài toán khó đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) có năng lực tài chính yếu, nguồn vốn chủ yếu dựa vào vốn vay từ các ngân hàng và tổ chức tài chính. Chính vì vậy, Chính phủ đã đẩy mạnh thực hiện các giải pháp tăng cường huy động vốn cho doanh nghiệp như hạ mặt bằng lãi suất tín dụng, tăng tín dụng đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn, DNNVV, doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Lãi suất cho vay ưu đãi đối với 5 lĩnh vực ưu tiên giai đoạn 2014 - 2015 ở mức 7 - 8%/năm, trong khi đối với các lĩnh vực sản xuất - kinh doanh là 9 - 10%/năm kỳ ngắn hạn, 10,5 - 12%/năm kỳ trung - dài hạn. Những tháng đầu năm 2016, lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực này lần lượt là 6 - 7%/năm kỳ ngắn hạn, 9 - 10%/năm cho vay trung - dài hạn, thấp hơn lãi suất cho vay thông thường khoảng 2%, mức lãi suất này được dự báo sẽ ổn định trong cả năm 2016.

Dư nợ tín dụng đối với khu vực DNNVV đã có sự cải thiện đáng kể qua từng năm³. Chính phủ cũng tăng cường nguồn lực cho các quỹ bảo lãnh tín dụng địa phương, Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Đây được xem là cầu nối giữa ngân hàng với các DNNVV không có tài sản thế chấp, chưa có khả năng đáp ứng các điều kiện về bảo đảm tiền vay nhưng có phương án sản xuất - kinh doanh hiệu quả, khả thi... góp phần tích cực trong việc hỗ trợ DNNVV tiếp cận vốn.

Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp cũng được triển khai tạo thêm kênh huy động vốn ưu đãi cho doanh nghiệp. Trong năm 2016, 16 ngân hàng thương mại tại thành phố Hồ Chí Minh, cam kết sẽ đẩy mạnh hỗ trợ vốn vay cho doanh nghiệp (lãi suất không quá 7%/năm đối với kỳ ngắn hạn, 9%/năm trung - dài hạn và cho vay ngoại tệ để hỗ trợ xuất khẩu với tổng số tiền đăng ký là 211.548 tỷ đồng và 15 triệu USD).

Bên cạnh đó, Chính phủ đã ban hành các chính sách khơi thông thị trường vốn, thúc đẩy doanh nghiệp phát hành trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) để huy động vốn thay cho kênh huy động truyền thống. Theo đó, quy mô huy động vốn của doanh nghiệp trên thị trường tăng lên đáng kể, khối lượng huy động TPDN giai đoạn 2010 - 2014 khoảng 25.000 - 30.000 tỷ đồng, năm 2015 tăng lên 42.769 tỷ đồng. Những tháng đầu năm 2016, thị trường TPDN sôi động hơn với nhiều thương vụ

³ Từ 830.744 tỷ đồng của năm 2011 lên 938.516 tỷ đồng của năm 2012, tăng 4%; năm 2014 đạt 1.052.264 tỷ đồng, tăng 7,83% so với năm 2013; năm 2015 tăng 12,12% so với năm 2014; quý I/2016, dư nợ tín dụng đạt 1.070.810 tỷ đồng, tăng 1,76% so với thời điểm 31/12/2015.

phát hành trái phiếu giá trị lớn⁴. Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy, bài toán huy động vốn của doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV, vẫn còn rất khó khăn. Đối với kênh huy động truyền thống qua ngân hàng thương mại, kết quả cho vay vốn đối với DNNVV vẫn còn khá khiêm tốn, tỷ lệ dư nợ cho vay giai đoạn 2011 - 2015 trung bình khoảng 25% tổng dư nợ cho vay toàn nền kinh tế; năm 2015 có gần 40% doanh nghiệp vay được vốn từ các ngân hàng, nhưng phần lớn phải chịu lãi suất cao⁵. Hoạt động của các quỹ bảo lãnh tín dụng tại 21 địa phương gần như không có tác dụng, thực tế rất ít doanh nghiệp được bảo lãnh từ các quỹ này. Trong khi đó, quy mô thị trường trái phiếu nhỏ, tỷ lệ huy động vốn thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực và các nước ASEAN+3⁶.

Tạo điều kiện tích tụ vốn cho doanh nghiệp thông qua giảm nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).

Giai đoạn 2011 - 2015, Chính phủ thực hiện nhiều chính sách giảm hạn, miễn, giảm thuế TNDN như: (i) Giảm 30% số thuế

⁴ Công ty cổ phần Mía đường Thành Công Tây Ninh (TTCS) phát hành 1 nghìn tỷ đồng trái phiếu được TPBank và VIB mua với giá trị lần lượt 600 tỷ đồng và 400 tỷ đồng; Công ty Chứng khoán Rồng Việt dự kiến huy động 300 tỷ đồng trái phiếu thương; Công ty Cổ phần Đầu tư và sản xuất Thông Nhất dự kiến phát hành 800 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi... Quy mô toàn thị trường TPDN đạt khoảng 110 nghìn tỷ đồng, tương đương 2,5% GDP đã đáp ứng một phần vốn cho doanh nghiệp.

⁵ Hiệp hội DNNVV Việt Nam.

⁶ Quy mô thị trường TPDN trung bình tại các quốc gia ASEAN+3 hiện khoảng 21,7% GDP; Nhật Bản đạt 16,78% GDP, Hàn Quốc đạt 74,76% GDP và Malaysia đạt 42,29% GDP. Tổng giá trị TPDN của Thái Lan lên tới 70 tỷ USD, Singapore 91 tỷ USD, Malaysia 118 tỷ USD, Philippines 17 tỷ USD...

TNDN phải nộp trong năm 2011, 2012 đối với DNNVV và doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động⁷; (ii) Gia hạn 9 tháng thời hạn nộp thuế đối với thuế TNDN từ năm 2011 trở về trước mà chưa nộp vào ngân sách nhà nước của DNNVV và doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cơ khí là tư liệu sản xuất, vận tải đường thủy, sản xuất thép, xi măng⁸... Bên cạnh đó, Luật Thuế TNDN số 32/2013/QH13 đã đề ra lộ trình giảm thuế suất thuế TNDN phổ thông từ 22% năm 2014 xuống còn 20% năm 2016; thuế suất thuế TNDN ưu đãi (áp dụng đối với DNNVV, tổ chức kinh tế vi mô...) từ 20% năm 2014 xuống còn 17% năm 2016; bổ sung nhiều ưu đãi thuế đối với đầu tư mở rộng thuộc lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn ưu đãi; mở rộng chi phí được giảm trừ cho doanh nghiệp thông qua việc bỏ mức không chế 15% trên tổng chi phí đối với chi phí khuyến mãi, quảng cáo, tiếp tân... Tổng số thuế hỗ trợ cá nhân, doanh nghiệp năm 2015 khoảng 4 nghìn tỷ đồng; tổng các khoản giảm thu do các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế khoảng 85 nghìn tỷ đồng.

Hỗ trợ doanh nghiệp giảm hàng tồn kho, tiếp cận thị trường thông qua các chính sách chi ngân sách.

Trong giai đoạn 2011 - 2015, Nhà nước tiếp tục chi ngân sách cho chương trình xúc tiến thương mại (XTTM) tập trung vào 03 mục tiêu chính là XTTM định hướng xuất khẩu, XTTM thị trường trong nước và XTTM miền núi, biên giới, hải đảo

⁷ Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06/8/2011; Nghị quyết 29/2012/QH13 ngày 21/6/2012.

⁸ Nghị quyết số 13/2012/NQ-CP ngày 10/5/2012.

với mức kinh phí tăng từ 55 tỷ đồng năm 2011 lên 90 tỷ đồng năm 2016. Theo thống kê, các hoạt động thuộc Chương trình XTTM quốc gia giai đoạn 2010 - 2015 đã thu hút được gần 30 nghìn lượt doanh nghiệp tham gia, với tổng trị giá hợp đồng xuất khẩu hàng hóa và doanh số bán hàng đạt gần 6,2 tỷ USD và trên 1.637 tỷ đồng. Chương trình XTTM đã chú trọng đến thị trường các nước thành viên thuộc Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) như Hoa Kỳ, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, New Zealand... Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) như Pháp, Đức, Bỉ, Italia, Balan... hay các nước thuộc Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) như Lào, Campuchia, Myanmar và các nước thuộc Liên minh kinh tế Á - Âu, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA)... từ đó góp phần duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu, khai thác và phát triển thị trường nội địa, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh cũng như giảm hàng tồn kho cho các doanh nghiệp.

Tuy nhiên, kinh phí dành cho chương trình XTTM quốc gia của Việt Nam hiện nay tính trên kim ngạch xuất khẩu chỉ bằng 0,003% (so với mức trung bình của thế giới là 0,11%, tính theo tỷ lệ phần trăm chỉ tương đương 1/30 tỷ lệ trung bình của toàn thế giới, bằng 1/4 so với Bangladesh, 1/10 so với Thái Lan). Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ không nhiều⁹, chỉ tập trung vào các ngành hàng xuất khẩu truyền thống của Việt Nam như thủy sản, nông sản thực phẩm, đồ gỗ, dệt may, da giày cũng như hỗ trợ doanh nghiệp đưa sản phẩm đến vùng núi,

⁹ Export Promotion Agencies: What Works and What Doesn't", Worldbank.

hải đảo... Bên cạnh đó, nhân lực làm công tác XTMM còn hạn chế, bản thân các doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV, chưa thực sự chủ động tìm hiểu thông tin và tham gia vào mạng lưới XTMM.

2. Cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp

Nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, Quốc hội ban hành các luật liên quan như Luật Đầu tư (sửa đổi) và Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) có hiệu lực từ ngày 01/7/2015 quy định lĩnh vực, địa bàn khuyến khích đầu tư thu hút các dự án đầu tư có chất lượng và hiệu quả; các quy định về điều kiện và thủ tục đầu tư, kinh doanh có tính minh bạch, khả thi và đồng bộ; tạo mặt bằng pháp lý cho nhà đầu tư trong và ngoài nước... Bên cạnh đó, để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014, Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015, Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 28/4/2016, Bộ Tài chính đã đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường quản lý thuế, hải quan và đảm bảo kỷ luật, kỷ cương nội ngành, đồng hành cùng doanh nghiệp. Kết quả nổi bật trong cải cách thủ tục hành chính thuế, hải quan như đơn giản hóa mẫu biểu, nội dung kê khai thuế¹⁰; giảm số lần kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng, thuế TNDN¹¹; đơn giản hóa các thủ tục hành chính về thuế¹²; đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và nộp thuế; áp dụng thủ tục hải quan

¹⁰ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014.

¹¹ Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 01/10/2014.

¹² Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

diện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại (VNACCS/VCIS) tại tất cả các đơn vị hải quan, đảm bảo chất lượng, không làm gián đoạn quá trình làm thủ tục hải quan; triển khai cơ chế hải quan một cửa quốc gia (NSW¹³).

Đầu năm 2016, Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo các chính sách tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế quy định giảm tiền chậm nộp thuế từ 0,05%/ngày còn 0,03%/ngày từ ngày 01/7/2016¹⁴; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016 khuyến khích và bảo hộ sản xuất trong nước hợp lý; bổ sung một số nội dung quy định về thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp, thuế tự vệ trên cơ sở kế thừa; bổ sung những quy định về ưu đãi thuế để khuyến khích phát triển sản xuất - kinh doanh, xuất khẩu, đẩy mạnh xã hội hóa, góp phần thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia¹⁵.

¹³ Hệ thống VNACCS/VCIS đã được triển khai tại 34/34 cục hải quan tỉnh, thành phố trên toàn quốc; Cơ chế một cửa quốc gia đã chính thức kết nối với 09/14 bộ, ngành với 31 thủ tục, trên 90 nghìn hồ sơ và 6 nghìn doanh nghiệp tham gia.

¹⁴ Cụ thể, người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế, thì phải nộp đủ tiền thuế và tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp.

¹⁵ Thời gian nộp thuế của doanh nghiệp (không bao gồm thời gian nộp bảo hiểm) là đã giảm theo các năm: Năm 2011, năm 2012 là 569 giờ/năm; năm 2013 là 537 giờ/năm; đến cuối năm 2014 là 167 giờ/năm và năm 2015 dưới 117 giờ/năm.

3. Đột phá mới trong tư duy để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển trong thời gian tới

Ngày 16/5/2016, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 nhấn mạnh vai trò của doanh nghiệp là “động lực nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế” và đề ra các giải pháp tài chính chủ yếu: (i) Cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; (ii) Tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; (iii) Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp; (iv) Giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp (điều chỉnh giảm tiền thuê đất, chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chi phí khác của doanh nghiệp; đề xuất điều chỉnh hợp lý mức phí đường bộ, phí BOT...); (v) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.

Để triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 19/NQ-CP, Nghị quyết số 35/NQ-CP, chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp trong thời gian tới cần tiếp tục hướng tới việc hoàn thiện chính sách thu nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh và thu hút đầu tư; quản lý chi chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả góp phần ổn định kinh tế vĩ mô.

Về chính sách đất đai, Bộ Tài chính tiếp tục phối hợp với Bộ Tài Nguyên và Môi trường thực hiện công khai quỹ đất chưa sử dụng, đất cho thuê, quỹ đất Nhà nước giao; rà soát các quy định pháp luật về đất đai theo hướng điều chỉnh giảm tiền

thuê đất, chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất và các chi phí liên quan đến đất đai khác của doanh nghiệp.

Về chính sách thuế, triển khai thực hiện tốt các Luật về thuế đã được Quốc hội thông qua như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN, Luật sửa đổi, bổ sung một số Luật về thuế... nhằm giúp doanh nghiệp tiếp cận chính sách hiệu quả và đúng mục đích. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính nghiên cứu các giải pháp tháo gỡ khó khăn về thuế cho doanh nghiệp như: (i) Xử lý nợ chậm nộp cho doanh nghiệp gặp khó khăn khách quan; (ii) Nghiên cứu, đề xuất giảm thuế suất thuế TNDN cho DNNVV; (iii) Đề xuất để thực hiện bù trừ thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản với thu nhập từ hoạt động sản xuất - kinh doanh (bù trừ hai chiều); (iv) Nói rộng chi phí giảm trừ cho doanh nghiệp về các hoạt động nâng cao năng lực, tư vấn hỗ trợ thủ tục cho doanh nghiệp, chi phí quảng cáo, tiếp thị... Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ. Trong đó, đẩy mạnh cải cách hành chính thuế đạt mức trung bình của ASEAN-4 trên 03 nhóm chỉ tiêu hoàn thuế, quản lý rủi ro trong thanh tra, kiểm tra thuế; thời gian và kết quả xử lý khiếu nại thuế. Rà soát, rút ngắn thời gian hoàn thành thủ tục nộp thuế; xây dựng và ban hành danh mục kiểm tra phục vụ quản lý nhà nước và kiểm tra chuyên ngành theo yêu cầu của doanh nghiệp.

Đối với lĩnh vực hải quan, tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông quan tự động (VNACCS/VCIS) nhằm giảm thời gian thông quan hàng hóa; công khai tiêu chí đánh giá và có hệ thống cảnh báo đối với các doanh nghiệp bị phân vào luồng vàng, đỏ; giảm tỷ lệ các lô hàng nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành tại giai đoạn thông quan từ 30 - 35% xuống còn 15% năm 2016; đổi mới phương thức quản lý, kiểm tra chuyên ngành trên cơ sở nguyên tắc quản lý rủi ro, đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của từng doanh nghiệp, áp dụng cơ chế doanh nghiệp ưu tiên.

ThS. Mai Thị Hương

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2014, 2015), *Báo cáo hội nghị tổng kết Ngành*.
2. Ngô Hữu Lợi, *Bộ Tài chính nỗ lực hành động vì một chính phủ kiến tạo*, Tạp chí Tài chính, kỳ 1 - tháng 8/2016.
3. Trần Thị Lưu Tâm và Phạm Thị Liên Ngọc, *Chủ trương, chính sách phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Tạp chí Tài chính, kỳ 1 - tháng 6/2016.
4. <http://www.mof.gov.vn>.
5. <http://www.gso.gov.vn>.
6. <http://www.vietrade.gov.vn>.
7. <http://baochinhphu.vn>.